

GIAO KẾ HOẠCH LỚP, HỌC SINH CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện An Lão)

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng giáo viên	Tổng phòng học	KẾ HOẠCH LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026																								Tổng MG	Tổng D.số	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tổng số trẻ		Đúng tuyển	Trái tuyển				
				Nhà trẻ						3 Tuổi						4 Tuổi						5 Tuổi																	
				D.Số	Số lớp	Số trẻ			Đúng tuyển	trái tuyển	D.Số	Số lớp	Số trẻ			đúng tuyển	trái tuyển	D.Số	Số lớp	Số trẻ			đúng tuyển	trái tuyển															
						Học sinh cũ	Tuyển mới	Tổng số HS cần tuyển					Học sinh cũ	Tuyển mới	Tổng số HS cần tuyển					Học sinh cũ	Tuyển mới	Tổng số HS cần tuyển																	
1	Sao Sáng	35	16	130	2	6	44	50	30	20	71	5	45	75	120	60	60	87	4	111	9	120	57	63	104	5	149	0	149	63	86	389	392	16	439	311	128	210	229
2	Bát trang	36	17	151	2	10	40	50	48	2	110	5	60	45	105	98	7	128	5	115	10	125	115	10	173	5	154	1	155	143	12	385	562	17	435	339	96	404	31
3	Trường Thọ	38	17	121	2	22	28	50	45	5	103	5	43	60	103	93	10	125	5	123	2	125	105	20	150	5	150	0	150	140	10	378	499	17	428	338	90	383	45
4	Tr. Thành	28	13	92	2	17	33	50	45	5	73	3	59	16	75	70	5	79	4	76	24	100	95	5	94	4	94	15	109	90	19	284	338	13	334	246	88	300	34
5	An Tiến	23	11	105	2	8	32	40	32	8	97	3	30	45	75	42	33	115	3	65	20	85	45	40	143	3	83	12	95	55	40	255	460	11	295	186	109	174	121
6	An Thắng	26	13	171	2	18	32	50	40	10	87	3	47	28	75	65	10	156	4	97	23	120	105	15	133	4	97	23	120	108	12	315	547	13	365	259	106	318	47
7	Tân Dân	21	10	141	2	11	34	45	42	3	67	2	41	9	50	45	5	105	3	63	22	85	82	3	122	3	80	10	90	85	5	225	435	10	270	195	75	254	16
8	Trường Sơn	24	11	101	1	6	19	25	23	2	81	2	27	33	60	55	5	113	4	64	49	113	108	5	140	4	96	41	137	127	10	310	435	11	335	193	142	313	22
9	Thái Sơn	36	18	245	3	10	65	75	75	0	141	4	67	33	100	95	5	168	5	110	40	150	138	12	208	6	192	8	200	186	14	450	762	18	525	379	146	494	31
10	An Thái	38	18	180	3	22	53	75	71	4	122	4	82	18	100	82	18	135	5	107	43	150	135	15	168	5	175	0	175	168	7	425	605	17	500	386	114	456	44
11	An Thọ	25	12	120	3	13	52	65	40	25	85	3	26	50	76	71	5	102	3	80	10	90	80	10	111	3	95	16	111	102	9	277	418	12	342	214	128	293	49
12	Chiến Thắng	31	14	122	3	20	55	75	75	0	85	3	50	30	80	77	3	100	4	77	23	100	95	5	115	4	115	2	117	105	12	297	422	14	372	262	110	352	20
13	Mỹ Đức	42	20	223	3	25	50	75	75	0	155	5	55	70	125	125	0	182	6	126	34	160	160	0	205	6	180	0	180	180	0	465	765	20	540	386	154	540	0
14	Tân Viên	31	15	143	3	20	45	65	62	3	99	3	39	36	75	70	5	101	4	80	29	109	101	8	139	4	126	19	145	137	8	329	482	14	394	265	129	370	24
15	Quốc Tuấn	31	15	120	2	32	20	52	50	2	110	4	51	47	98	89	9	132	4	76	44	120	110	10	170	5	132	6	138	123	15	356	532	15	408	291	117	372	36
16	Quang Trung	36	17	106	4	19	66	85	81	4	93	4	56	34	90	85	5	127	4	88	22	110	97	13	142	5	138	12	150	134	16	350	468	17	435	301	134	397	38
17	Quang Hưng	31	15	130	3	23	47	70	65	5	72	3	46	26	72	51	21	101	4	78	22	100	74	26	135	5	123	12	135	113	22	307	438	15	377	270	107	303	74
TỔNG		532	252	2401	42	282	715	997	899	98	1651	61	824	655	1479	1273	206	2056	71	1536	426	1962	1702	260	2452	76	2179	177	2356	2059	297	5797	8560	250	6794	4821	1973	5933	861

